

**PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA TỔ HỢP TÁC CUA BIỂN CỦA HỘ NUÔI CUA TẠI HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

Lê Thị Ngọc Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Hữu Tâm<sup>2</sup>

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu phân tích các nhân tố tác động đến quyết định tham gia tổ hợp tác sản xuất của biển của hộ nuôi cua trên địa bàn huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Số liệu trong nghiên cứu bao gồm số liệu thứ cấp lấy từ Tổng cục Thống kê, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau, Hiệp hội Thủy sản tỉnh Cà Mau, báo cáo của UBND tỉnh Cà Mau, huyện Năm Căn và số liệu sơ cấp thông qua điều tra phỏng vấn trực tiếp 182 nông hộ nuôi cua trên địa bàn huyện Năm Căn. Nghiên cứu thực hiện thông qua phương pháp thống kê mô tả, tần số, kiểm định T-test và phương pháp hồi quy Probit. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố tác động đến quyết định tham gia tổ hợp tác của biển gồm: yếu tố tuổi, số thành viên trong gia đình, khả năng tiếp cận thị trường và khả năng tiếp cận tín dụng có tác động tiêu cực đến quyết định tham gia tổ hợp tác; ngược lại, các yếu tố về số năm kinh nghiệm, diện tích sản xuất (cũng chính là diện tích nuôi cua), lợi nhuận, niềm tin vào hiệu quả hoạt động tổ hợp tác có tác động tích cực đến quyết định tham gia tổ hợp tác.

*Từ khóa: Tổ hợp tác cua, cua biển, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau*

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau, bên cạnh các mặt hàng như lúa, tôm, keo lai, chuối thì cua biển được chọn là một trong năm mặt hàng được ưu tiên đầu tư, phát triển. Theo thống kê của Sở NN&PTNT tỉnh Cà Mau năm 2017, diện tích cua biển bao gồm diện tích thả nuôi xen ghép với tôm và nuôi với các đối tượng khác khoảng 125.000 ha, sản lượng 10.000 tấn/năm; giá trị sản xuất ngành hàng của biển năm 2016 chiếm 7,63% trong tổng giá trị sản xuất thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chiếm 6,15% so với tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản và chiếm 5,18% so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2015 là 3,33%/năm; đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành hàng của cua biển chiếm 6,9% trong tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản và chiếm 4,94% so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng bình quân 7,16%/năm, trong đó cua được nuôi tập trung tại các huyện Năm Căn, Ngọc Hiển. Hình thức kinh tế tập thể đối với nghề nuôi cua tại huyện Năm Căn đang dần được hình thành thông qua hình thức các tổ hợp tác và hợp tác xã, trong đó, tổ hợp tác là cách liên kết phổ biến được nhiều hộ nuôi cua tham gia. Theo báo cáo năm 2017 của UBND huyện Năm Căn, hiện tại số lượng tổ hợp tác nuôi cua (bao gồm cua giống, cua thương phẩm) tại huyện này là 20 tổ hợp tác với 250 tổ viên tham gia. Tổ hợp tác là một trong những mô hình hiệu quả giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và nâng cao giá trị kinh tế của ngành cua biển nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung nhưng thực tế theo đánh giá của UBND huyện Năm Căn, vẫn còn một lượng lớn hộ nuôi cua chưa tham gia mô hình tổ hợp tác. Trước thực trạng trên, nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến quyết định tham gia tổ hợp tác của biển của hộ nuôi cua



<sup>1</sup> Học viên cao học Quản lý Kinh tế, khoa Sau Đại học trường ĐHCCT

<sup>2</sup> Tiến sĩ Kinh tế Nông nghiệp, khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ

## NGHIÊN CỨU – TRAO NỔI

huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau” được thực hiện để tìm ra nguyên nhân, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ hợp tác của biển tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được các nhân tố tác động đến việc tham gia tổ hợp tác, từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách phát triển ngành cũng như làm cơ sở cho các nghiên cứu trong các lĩnh vực khác của huyện Năm Căn và toàn tỉnh Cà Mau.

### **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Thông tin số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 182 nông hộ nuôi cua tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau bao gồm 91 nông hộ đã tham gia tổ hợp tác và 91 nông hộ chưa tham gia tổ hợp tác thông qua mẫu phiếu khảo sát được thiết kế sẵn.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tình hình hoạt động của các tổ hợp tác của biển của nông hộ tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; phương pháp phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận thông qua các công thức tính hiệu quả tài chính để phân tích hiệu quả tài chính; phương pháp kiểm định T – test đối với biến độc lập để so sánh hiệu quả tài chính giữa hộ tham gia và không tham gia tổ hợp tác và phương pháp hồi quy probit để đánh giá tác động của các nhân tố đối với quyết định tham gia tổ hợp tác.

### **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

#### **3.1 Tình hình hoạt động của các tổ hợp tác của biển trên địa bàn huyện Năm Căn**

Để đánh giá tình hình tham gia và hoạt động của các tổ hợp tác của biển, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 91/182 đáp viên đang tham gia vào tổ hợp tác. Kết quả được thể hiện trong bảng 2.

**Bảng 1: Thống kê tình hình nuôi cua biển của các hộ tham gia các tổ hợp tác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Lớn nhất</b>	<b>Nhỏ nhất</b>	<b>Trung bình</b>
Số năm tham gia THT	năm	8	1	2
Doanh thu/1000m <sup>2</sup>	1.000đ/năm /1000m <sup>2</sup>	200.000	255,32	21.949,39
Tổng chi phí/1000m <sup>2</sup>	1.000đ/năm /1000m <sup>2</sup>	24.000	80,85	2.950,65
Lợi nhuận/1000m <sup>2</sup>	1.000đ/năm /1000m <sup>2</sup>	179.200	174,47	18.998,74
Tỷ suất lợi nhuận/tổng chi phí	1.000đ/năm /1000m <sup>2</sup>	7,45	2,16	6,44

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2019.

Theo kết quả từ bảng 2 cho thấy, các thành viên trong THT cũng đạt được doanh thu và lợi nhuận rất cao với doanh thu trung bình/năm/1.000m<sup>2</sup> là khoảng 21,949 triệu và lợi nhuận trung bình/năm/1.000m<sup>2</sup> là hơn 18,998 triệu đồng, tỷ suất lợi nhuận trên chi phí trung bình/năm/1.000m<sup>2</sup> là 6,44 tức một đồng chi phí đầu tư vào nuôi cua thì nông hộ sẽ thu được 6,44 đồng lợi nhuận, cho thấy hiệu quả đầu tư mang lại từ hoạt động nuôi cua biển là rất lớn. Theo nhận định chung của các tổ trưởng THT ở một số xã như Lâm Hải, Chà Là, thì THT bước đầu mang lại hiệu quả tài chính ổn định cho nông hộ.

#### **3.2 So sánh hiệu quả tài chính giữa hộ tham gia và hộ chưa tham gia tổ hợp tác**

Để kiểm định sự khác biệt về hiệu quả tài chính giữa nông hộ đã tham gia và chưa tham gia tổ hợp tác, nghiên cứu sử dụng kiểm định T-test để so sánh giá trị trung bình của lợi nhuận trung bình giữa hai nhóm nông hộ đã tham gia và chưa tham gia tổ hợp tác. Kết quả kiểm định được trình bày trong bảng 3.

**Bảng 2: Kiểm định sự khác nhau về hiệu quả tài chính giữa nông hộ nuôi cua ở huyện Năm Căn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Lợi nhuận</b>
Pr( T  >  t )	0.0006	0.0018	0.0006
Pr(T < t)	0.0003	0.0009	0.0003
Pr(T > t)	0.9997	0.9991	0.9997

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2019

Đối với doanh thu, giá trị  $Pr(|T| > |t|) = 0,0006 < 0,01$  nên bác bỏ giả thuyết  $H_0$  rằng giá trị trung bình của doanh thu giữa hộ tham gia và không tham gia THT là bằng nhau ở mức ý nghĩa 1%. Xét giá trị  $Pr(T < t) = 0,0003 < 0,01$  và  $Pr(T > t) = 0,9997 > 0,01$  nên suy ra giá trị doanh thu trung bình của nông hộ tham gia THT lớn hơn nông hộ không tham gia THT.

## NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

Đối với tổng chi phí, giá trị  $\Pr(|T| > |t|) = 0.0018 < 0,01$  nên bác bỏ giả thuyết  $H_0$  rằng giá trị trung bình của tổng chi phí giữa hộ tham gia và không tham gia THT là bằng nhau ở mức ý nghĩa 1%. Bên cạnh đó, giá trị  $\Pr(T < t) = 0.0009 < 0,01$  và  $\Pr(T > t) = 0,9991 > 0,01$  nên suy ra giá trị chi phí trung bình của nông hộ tham gia THT lớn hơn nông hộ không tham gia THT.

Đối với lợi nhuận, giá trị  $\Pr(|T| > |t|) = 0,0006 < 0,01$  nên bác bỏ giả thuyết  $H_0$  rằng giá trị trung bình của lợi nhuận giữa hộ tham gia và không tham gia THT là bằng nhau ở mức ý nghĩa 1%. Nhận thấy giá trị  $\Pr(T < t) = 0,0003 < 0,01$  và  $\Pr(T > t) = 0,9997 > 0,01$  có thể suy ra giá trị lợi nhuận trung bình của nông hộ tham gia THT lớn hơn nông hộ không tham gia THT.

Theo nhận định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, THT cũng như các tổ chức cùng sở thích như hợp tác xã là những hình thức phù hợp và mang lại hiệu quả sản xuất tối ưu do giảm được chi phí (như chi phí cây/con giống, thức ăn, phân bón... với giá thấp hơn do mua chung với số lượng lớn), áp dụng tiên bộ KHKT cũng như tìm đầu ra ổn định hơn, từ đó nâng cao năng suất, mang lại hiệu quả tài chính tối ưu. Kết quả phân tích trên đã chứng minh hiệu quả thực tế mà THT mang lại, lợi nhuận trung bình của nông hộ tham gia THT cao hơn những nông hộ chưa tham gia THT. Tuy nhiên, nếu xét riêng về chi phí nuôi cua, theo kết quả tham khảo ý kiến các tổ trưởng THT, mặc dù đã tham gia vào THT nhưng vẫn còn một số các nông hộ tự mua con giống cũng như thức ăn hoặc các đầu vào khác nên hiệu quả về chi phí không được đánh giá cao. Nhìn chung doanh thu và lợi nhuận mang lại cho các nông hộ tham gia THT đã chứng minh hiệu quả tài chính mà THT mang lại là đáng kể và khẳng định đây là mô hình hiệu quả cần được nhân rộng và phát triển trong thời gian tới.



*Thu hoạch cua*

### **3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ hợp tác cua biển trên địa bàn huyện Năm Căn**

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ hợp tác, nghiên cứu sử dụng mô hình Probit để ước lượng nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào tổ hợp tác của nông hộ trên địa bàn huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Cụ thể bao gồm các biến sau:

Mô hình tổng quát được trình bày như sau:

$$Y = 0 + {}_1X_1 + {}_2X_2 + {}_3X_3 + \dots + nX_n +$$

Trong đó:

Y: biến phụ thuộc là quyết định tham gia tổ hợp tác cua biển, biến này có giá trị bằng 1 nếu nông hộ hiện đang có tham gia vào tổ hợp tác cua biển và bằng 0 nếu nông hộ không tham gia vào tổ hợp tác cua biển.

$X_i$ : là các biến độc lập của mô hình.

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào các THT cua biển tại huyện Năm Căn, đề tài đã sử dụng mô hình Probit để phân tích. Kết quả chạy mô hình Probit như sau:

#### **Bảng 3: Kết quả mô hình Probit cho quyết định tham gia THT**

**NGHIÊN CỨU – TRAO NỔI**

<b>Biến độc lập</b>	<b>Hệ số mô hình Probit (â)</b>	<b>Hệ số tác động biên (dY/dX)</b>	<b>Mức ý nghĩa P</b>
<b>Yếu tố nhân khẩu học</b>			
Tuổi (X1)	-0,033	-0,013*	0,091
Giới tính (X2)	0,387	0,152 <sup>ns</sup>	0,374
Trình độ (X3)	0,012	0,005 <sup>ns</sup>	0,807
Số thành viên trong gia đình (X4)	-0,336	-0,128*	0,070
<b>Hoạt động sản xuất</b>			
Số lao động chính (X5)	-0,069	-0,026 <sup>ns</sup>	0,663
Số năm kinh nghiệm (X6)	1,333	0,510***	0,000
Diện tích sản xuất NN (X7)	0,005	0,002*	0,090
Lợi nhuận (X8)	0,0000226	8.65e-06***	0,003
<b>Yếu tố xã hội</b>			
Chính sách nhà nước (X9)	0,878	0,339 <sup>ns</sup>	0,121
Tham gia tổ chức xã hội (X10)	-0,005	-0,002 <sup>ns</sup>	0,988
Tiếp cận chương trình khuyến nông (X11)	-0,407	-0,146 <sup>ns</sup>	0,461
Niềm tin vào hiệu quả hoạt động THT (X12)	2,287	0,744***	0,000
Khả năng tiếp cận thông tin thị trường (X13)	-1,182	-0,445***	0,002
Khả năng tiếp cận tín dụng (X14)	-0,910	-0,323**	0,015
Tổng số quan sát	182		
$\chi^2$	78,49		
Prob > $\chi^2$	0,0000		
Log pseudolikelihood	-23,44		
Phân trăm dự báo đúng	81,42%		

**Ghi chú:** (ns): Biến không có ý nghĩa thống kê  
 (\*\*\*) : Biến có ý nghĩa thống kê ở mức 1%  
 (\*\*) : Biến có ý nghĩa thống kê ở mức 5%  
 (\*) : Biến có ý nghĩa thống kê ở mức 10%

Kết quả chạy hồi quy Probit mô hình nghiên cứu bằng phần mềm Stata được trình bày ở bảng 5.15. Theo kết quả trên, kiểm định Chi-bình phương cho thấy độ phù hợp tổng quát của mô hình, Chi-bình phương = 78,49, với Prob >  $\chi^2$  = 0,0000 cho thấy các yếu tố trong mô hình có tác động đến khả năng tham gia THT (mô hình có ý nghĩa ở mức 1%). Hệ số Pseudo R<sup>2</sup> = 0,8142 cho thấy phần trăm dự báo đúng mô hình ở mức tương đối cao, có nghĩa là 81,42% biến phụ thuộc được giải thích bởi biến độc lập trong mô hình cho thấy sự phù hợp khá tốt của mô hình phân tích. Trong tổng số 14 biến đưa vào mô hình, có 8 biến có hệ số có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, biến tuổi, số thành viên trong gia đình, diện tích đất sản xuất nông nghiệp có ý nghĩa thống kê ở mức 10%; biến khả năng tiếp cận tín dụng có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; số năm kinh nghiệm, lợi nhuận, niềm tin vào hiệu quả hoạt động của THT và khả năng tiếp cận thông tin thị trường có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Cụ thể ảnh hưởng của từng biến như sau:

- *Tuổi*: Với mức ý nghĩa < 10% và  $\beta_1 = -0,033$  cho thấy mối tương quan nghịch giữa tuổi và khả năng tham gia THT của nông hộ, nghĩa là khi tuổi của người quyết định tham gia vào THT trong hộ càng cao thì khả năng tham gia vào THT càng thấp. Hệ số tác động biên của tuổi là -0,013 nghĩa là tại các giá trị trung bình của các biến độc lập khi tuổi người quyết định việc tham gia THT của hộ tăng thêm một đơn vị tính thì khả năng tham gia vào THT của hộ giảm 1,3 điểm phần trăm.

- *Số thành viên trong gia đình*: Số thành viên trong gia đình có tác động nghịch chiều với khả năng tham gia THT của hộ nuôi của huyện Năm Căn ở mức ý nghĩa thống kê 10% và hệ số  $\beta_4 = -0,336$ . Điều này cho thấy có mối tương quan nghịch giữa số thành viên trong gia đình và khả năng tham gia THT. Hệ số tác động biên của số thành viên trong gia đình là - 0,128 tức là tại các giá trị

## NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

trung bình của các biến độc lập nếu số thành viên trong gia đình tăng lên một đơn vị tính thì khả năng tham gia THT của hộ đó giảm xuống 0,128 điểm phần trăm.

*Số năm kinh nghiệm:* Với mức ý nghĩa thống kê 1% và hệ số  $\hat{\alpha}_6 = 1,333$  cho thấy số năm kinh nghiệm của chủ hộ là yếu tố có tác động dương đối với khả năng tham gia THT của hộ nuôi cưa huyện Năm Căn. Theo kết quả tại bảng 5.14, hệ số tác động biên của số năm kinh nghiệm là 0,510 tức có nghĩa tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, khi số năm kinh nghiệm của người quyết định tham gia THT tăng lên một đơn vị tính thì khả năng tham gia THT của hộ đó tăng lên 0,510 điểm phần trăm.

*Diện tích sản xuất:* Theo kết quả chạy mô hình Probit, diện tích sản xuất của nông hộ là yếu tố có tác động dương đối với khả năng tham gia THT của hộ nuôi cưa với mức ý nghĩa thống kê 10% và hệ số  $\gamma = 0,005$ . Hệ số tác động biên của diện tích đất sản xuất là 0,002 tức là tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, khi diện tích sản xuất của nông hộ tăng lên 1 đơn vị tính thì khả năng tham gia THT của nông hộ tăng lên 0,002 điểm phần trăm.

*Lợi nhuận:* Lợi nhuận cũng là một trong các yếu tố có tác động dương với khả năng tham gia THT của nông hộ với mức ý nghĩa 1% và hệ số  $\delta = 0,0000226$ . Bên cạnh đó, hệ số tác động biên của lợi nhuận là  $8.65e-06 (= 0,021)$  cho thấy tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, khi lợi nhuận tăng 1 đơn vị tính thì khả năng tham gia THT của nông hộ tăng 0,021 điểm phần trăm.

*Niềm tin vào hiệu quả hoạt động THT:* Cũng giống như lợi nhuận, niềm tin vào hiệu quả hoạt động THT có tác động tích cực đối với khả năng tham gia THT của nông hộ với mức ý nghĩa thống kê là 1% và hệ số  $\beta_{12} = 2,189201$ . Hệ số tác động biên của niềm tin vào hiệu quả hoạt động THT là 0,744 có nghĩa là tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, khi nông hộ tin tưởng vào hiệu quả hoạt động của THT thì khả năng tham gia THT của họ cao hơn 0,744 điểm phần trăm so với những nông hộ không tin tưởng vào hiệu quả hoạt động của THT.

*Khả năng tiếp cận thông tin thị trường:* Đối với nông dân, thông tin thị trường rất quan trọng trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, xu hướng sản xuất nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất cho phù hợp, tránh tình trạng cung vượt quá cầu dẫn đến bị thương lái ép giá như điệp khúc “được mùa mất giá”. Vì vậy, khả năng tiếp cận thông tin thị trường là một trong những yếu tố quan trọng quyết định khả năng tham gia THT của nông hộ. Theo các nghiên cứu của Theo Nugusse và cộng sự (2013), khả năng tiếp cận thông tin thị trường (qua tivi, radio, điện thoại) có tác động tích cực đến sự tham gia tổ hợp tác, khi được cung cấp một cách đầy đủ và chính xác tình hình thị trường (trong và ngoài nước), nông hộ rất sẵn sàng tham gia vào THT. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, mặc dù THT bước đầu mang lại nhiều hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội cho nông hộ nuôi cưa nói chung và huyện Năm Căn nói riêng nhưng hình thức THT vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế. Vì vậy, việc cung cấp thông tin thị trường đến với các hộ nuôi cưa chưa được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Qua kết quả phân tích mô hình dự báo cho thấy, khả năng tiếp cận thị trường có tác động tiêu cực đến khả năng tham gia THT với mức ý nghĩa 1% và hệ số  $\beta_{13} = -1,182$ . Hệ số tác động biên của khả năng tiếp cận thị trường là -0,445 cho thấy tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, khi nông hộ có khả năng tiếp cận thông tin thị trường thì khả năng tham gia vào THT thấp hơn những hộ không có khả năng tiếp cận thông tin thị trường là 0,445 điểm phần trăm. Cung cấp thông tin về thị trường cho nông hộ là một trong những hạn chế của THT trong quá trình hoạt động.

*Khả năng tiếp cận tín dụng (X14):* Cũng giống như biến khả năng tiếp cận thông tin thị trường, khả năng tiếp cận tín dụng cũng có tác động ngược chiều với khả năng tham gia THT với mức ý nghĩa thống kê 5% và hệ số  $\beta_{14} = -1,910$ . Hệ số tác động biên của khả năng tiếp cận thông tin tín dụng là -0,323 cho thấy tại các giá trị trung bình của các biến độc lập, nông hộ có khả năng tiếp cận tín dụng thì khả năng tham gia THT thấp hơn người không có khả năng tiếp cận tín dụng là 0,323 điểm phần trăm. Cũng giống như cách giải thích trên, chính những tồn tại, khó khăn trong hoạt động của các THT, các nông hộ thường ít được tiếp cận về tín dụng, thông thường họ sản xuất bằng nguồn vốn tự có hoặc vay mượn từ người thân trong gia đình. Vì vậy, khả năng tiếp cận về tín dụng không có tác dụng thúc đẩy sự tham gia THT của hộ nuôi cưa.

## **4. KẾT LUẬN**

Tổ hợp tác là thành phần quan trọng trong kinh tế tập thể, ra đời từ nhu cầu hợp tác, liên kết, giúp đỡ, tương trợ nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và được đánh giá là

## NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

một trong mô hình liên kết hiệu quả, là nền tảng phát triển lên hình thức hợp tác cao hơn.

Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định tham gia THT nuôi cua tại huyện Năm Căn: kết quả ước lượng mô hình Probit cho thấy mô hình có ý nghĩa ở mức 1%, 81,42% biến phụ thuộc được giải thích bởi biến độc lập trong mô hình cho thấy sự phù hợp khá tốt của mô hình phân tích. Trong tổng số 14 biến đưa vào mô hình, có 8 biến có hệ số có ý nghĩa thống kê, cụ thể: các biến tuổi, số thành viên trong gia đình, khả năng tiếp cận thị trường và khả năng tiếp cận tín dụng có tác động tiêu cực đến quyết định tham gia THT. Ngược lại, các biến số năm kinh nghiệm, diện tích sản xuất (cũng chính là diện tích nuôi cua), lợi nhuận, niềm tin vào hiệu quả hoạt động THT có tác động tích cực đến quyết định tham gia THT.

Trên cơ sở phân tích hiệu quả hoạt động của THT cũng như các nhân tố tác động đến quyết định tham gia THT của các nông hộ, nghiên cứu đã đưa ra một số gợi ý để nâng cao hiệu quả hoạt động của THT như hoàn thiện công tác tổ chức của THT, tăng cường hơn nữa công tác tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông hộ, nâng cao trình độ cho các tổ viên đặc biệt là trình độ và năng lực quản lý của tổ trưởng THT, quan tâm hỗ trợ cho các tổ viên các thông tin về thị trường, tìm hiểu, chia sẻ và hỗ trợ nông hộ tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, cần phát huy tính đoàn kết trong THT. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền về THT, lợi ích và các mô hình THT điển hình hiệu quả cũng như tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan chức năng thông qua sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ định hướng của các cấp, các ngành và các đơn vị có liên quan, tăng cường phổ biến thông tin thị trường, các thông tin hỗ trợ về tài chính tín dụng đảm bảo vốn sản xuất kinh doanh cho THT và cách thức tham gia các chương trình hỗ trợ cho thành viên THT, đặc biệt là xây dựng chiến lược định hướng phát triển thương hiệu từ nền tảng nhãn hiệu tập thể của Năm Căn cũng như xây dựng và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị của biển nói chung và hiệu quả hoạt động của THT của biển tại Năm Căn nói riêng, từ đó thu hút sự tham gia của các nông hộ.

### **Tài liệu tham khảo**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sổ tay xây dựng và phát triển Tổ hợp tác của Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn - Jica, Hà Nội – 2012.

Các báo cáo của UBND tỉnh Cà Mau, phòng Nông nghiệp huyện Năm Căn và Liên hiệp các hợp tác xã tỉnh Cà Mau.

Nguyễn Đình Thọ, 2011. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: thiết kế và thực hiện. TP. HCM: NXB Lao Động Xã Hội.

Nguyễn Đình Phúc, 2017. Ứng dụng mô hình Probit đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tạp chí Khoa học Yersin 2017: số 02,03/2017.

La Nguyễn Thùy Dung và Mai Văn Nam, 2015. Phân tích hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang. Tạp chí trường Đại học Cần Thơ: Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật: 36 (2015): 92-100.

Awotide, Bola A., Awoyemi T. Timothy, and Ayodele E. Fashogbon. 2015. Factors Influencing Smallholder Farmers Participation in Cooperative Organization in Rural Nigeria. Journal of Economics and Sustainable Development, 6 (2015), 87-96.

Fischer, Elisabeth, and Matin Qaim, 2012. Linking smallholders to markets: determinants and impacts of farmer collective action in Kenya. World Development, 40 (2012), 1255-1268.

Gyau, A., M. Mbugua, and J. Oduol, 2016. Determinants of participation and intensity of participation in collective action: evidence from smallholder avocado farmers in Kenya. Journal on Chain and Network Science, forthcoming, 2016.

Nugusse, Woldegebrial Z., Guido Van Huylenbroeck, and Jeroen Buysse, 2013. Determinants of rural people to join cooperatives in Northern Ethiopia. International Journal of Social Economics, 40 (2013), 1094-1107.

Zheng, Shi, Zhigang Wang, and Titus O. Awokuse, 2012. Determinants of producers' participation in agricultural cooperatives: evidence from Northern China. Applied Economic Perspectives And Policy, 34 (2012), 167-186.